

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

HÀ NỘI, NĂM 2010



MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ	1
MỤC LỤC	2
Căn cứ pháp lý:	4
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	4
Điều 3. Quy ước viết tắt và giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty.....	6
CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG	6
Điều 5. Quyền của cổ đông	6
Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn	7
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường	7
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông	9
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	9
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị	10
Điều 12. Thành phần Hội đồng Quản trị.....	10
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	10
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	11
Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị.....	12
Điều 16. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị	13
Điều 17. Thư ký Công ty	13
Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị	14
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 20. Thành phần Ban kiểm soát.....	15
Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	15
Điều 23. Thù lao của Ban kiểm soát	16
CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	16
Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	16

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan.....	17
Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	17
CHƯƠNG VIII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
Điều 27. Đào tạo về quản trị Công ty.....	18
CHƯƠNG IX: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH.....	18
Điều 28. Công bố thông tin thường xuyên.....	18
Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty.....	18
Điều 30. Công bố thông tin về các cổ đông lớn.....	19
Điều 31. Tổ chức công bố thông tin	19
CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT.....	20
Điều 32. Báo cáo	20
Điều 33. Giám sát	20
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	20



Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Quy chế quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí thông qua ngày 28 tháng 1 năm 2010.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- 1.1 Quy chế quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán và trên cơ sở tham khảo những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty, vận dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán, góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
- 1.2 Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 1.3 Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

- 2.1 Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
- 2.2 Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- 2.3 Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 2.4 Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 2.5 Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- 2.6 Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Điều 3. Quy ước viết tắt và giải thích thuật ngữ

3.1 Quy ước viết tắt:

- 3.1.1 “Công ty”: là Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 3.1.2 “Tổng Giám đốc”: là Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 3.1.3 “Ban Tổng Giám đốc”: là Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí, gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- 3.1.4 “Hội đồng Quản trị”: là Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 3.1.5 “Đại hội đồng cổ đông”: là Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 3.1.6 “Cổ đông”: là cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí theo danh sách của Trung tâm lưu ký cung cấp tại từng thời điểm.
- 3.1.7 “Cổ đông lớn”: Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- 3.1.8 “Quy chế”: là Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (Quy chế này).

3.2 Giải thích thuật ngữ:

- 3.2.1 “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc đảm bảo cho hoạt động của Công ty được định hướng, điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty.
- 3.2.2 “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán. Cụ thể bao gồm cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - 3.2.2.1 Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân.
 - 3.2.2.2 Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên (10%) mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết.
 - 3.2.2.3 Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức quy định tại Điểm 3.2.2.2, Khoản này.
 - 3.2.2.4 Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát.
 - 3.2.2.5 Công ty mẹ, Công ty con.
 - 3.2.2.6 Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- 3.2.3 “Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, hoặc cổ đông lớn của Công ty.

- 3.3 Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty

- 4.1 Điều lệ Công ty được xây dựng và ban hành phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính và Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty Chứng khoán được ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ Tài chính.
- 4.2 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông ban hành Quy chế quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
- 4.2.1 Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- 4.2.2 Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
- 4.2.3 Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị.
- 4.2.4 Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- 4.2.5 Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.
- 4.2.6 Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

- 5.1 Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
- 5.1.1 Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 5.1.2 Quyền biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 5.1.3 Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty. ✓

- 5.1.4 Quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 5.2 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các Nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Trường hợp các Nghị quyết nêu trên vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, thì Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- 5.3 Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán.
- 5.4 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

- 6.1 Hội đồng Quản trị của Công ty xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
- 6.2 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của cổ đông lớn để gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
- 6.3 Cổ đông lớn của Công ty có nghĩa vụ thực hiện các quy định về báo cáo sở hữu đối với Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết theo Điều 29 của Luật chứng khoán.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

- 7.1 Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là (04) bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 7.2 Các quy định, trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội cổ đông được thực hiện theo Điều lệ

Công ty.

- 7.3 Hội đồng quản trị phải sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.4 Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Giấy ủy quyền phải lập theo mẫu quy định của Công ty được gửi kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.5 Hội đồng quản trị xây dựng dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp và báo cáo Đại hội thông qua trước khi Đại hội bắt đầu chương trình nghị sự. Quy chế làm việc của Đại hội phải có đầy đủ các thông tin quy định phương thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội, phương thức cổ đông trình bày ý kiến tại Đại hội, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông... Đối với những vấn đề nhạy cảm nếu cổ đông yêu cầu, Hội đồng quản trị phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
- 7.6 Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề kiểm toán.
- 7.7 Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.
- 7.8 Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- 8.1 Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- 8.2 Hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- 8.3 Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;

- 8.4 Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc;
- 8.5 Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- 8.6 Các kế hoạch dự kiến trong năm tới.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- 9.1 Hoạt động của Ban kiểm soát;
- 9.2 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- 9.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- 9.4 Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý;
- 9.5 Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

- 10.1 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
- 10.2 Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.
- 10.3 Cổ đông nắm giữ từ (05%) năm phần trăm trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đạt tỉ lệ từ (10%) mười phần trăm tổng số cổ phần phổ thông để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng được đề cử (01) một thành viên; Trên 10% đến dưới 30% được đề cử (02) hai thành viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba thành viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 10.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên

hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp và Khoản Nghị định 139/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị quy định và hướng dẫn cổ đông phương thức bầu dồn phiếu tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông khi trong chương trình nghị sự của Đại hội có phần bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.


Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

- 11.1 Thành viên Hội đồng Quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- 11.2 Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.
- 11.3 Thành viên Hội đồng Quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác.
- 11.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn.

Điều 12. Thành phần Hội đồng Quản trị

- 12.1 Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là (05) năm người, số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định theo đa số phù hợp với quy mô tổ chức của Công ty tại từng thời điểm, trong đó ít nhất (1/3) một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập không điều hành.
- 12.2 Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác thay thế. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

- 13.1 Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- 13.2 Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. 

- 13.3 Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua, hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
- 13.4 Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

- 14.1 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
- 14.2 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 14.3 Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty và Quy chế này, gồm các nội dung chủ yếu sau:
- 14.3.1 Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:
- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
- 14.3.2 Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị:
- Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm Chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp);
 - Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - Cách thức biểu quyết;
 - Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị;
 - Thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị;

- Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị.
- 14.4** Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát, gồm các nội dung chính sau đây:
- 14.4.1 Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:
- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- 14.4.2 Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:
- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
 - Thông báo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát;
 - Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị;
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc;
 - Các vấn đề Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.
- 14.5** Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.
- 14.6** Hội đồng Quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị

- 15.1** Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thông qua phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công

ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- 15.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

- 16.1 Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm Tiểu ban chính sách phát triển; Tiểu ban kiểm toán nội bộ; Tiểu ban nhân sự và tiền lương, tiền thưởng và các Tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đối với Tiểu ban Kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty.
- 16.2 Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 16.3 Trường hợp Công ty không thành lập các Tiểu ban thì Hội đồng Quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, nhân sự và tiền lương, thưởng.
- 16.4 Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của Tiểu ban và (ii) Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
- 16.5 Các hành động thực thi Quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban, hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 17. Thư ký Công ty

- 17.1 Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng

Quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.

17.2 Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Lập biên bản các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được ban hành đúng thủ tục luật định;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

17.3 Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị

- 18.1 Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.
- 18.2 Thù lao của Hội đồng Quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.
- 18.3 Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc thì thù lao bao gồm lương của Tổng Giám đốc và các khoản thù lao khác.
- 18.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

- 19.1 Thành viên Ban kiểm soát là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
- 19.2 Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- 19.3 Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng Công ty.

Điều 20. Thành phần Ban kiểm soát

- 20.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội cổ đông quyết định tại từng thời điểm để phù hợp với quy mô tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 20.2 Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

- 21.1 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.
- 21.2 Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế để đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 22.1 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng Quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- 22.2 Ban kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các Nghị quyết của Ban kiểm soát.
- 22.3 Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.
- 22.4 Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi

phạm pháp luật, hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

- 22.5 Ban kiểm soát có trách nhiệm đề xuất lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- 22.6 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 23. Thù lao của Ban kiểm soát

- 23.1 Hàng năm, các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát.
- 23.2 Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 23.3 Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- 24.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 24.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính thành viên Hội đồng Quản trị/thành viên Ban Tổng Giám đốc đó hoặc với những người có liên quan của những thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 24.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- 24.4 Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.
- 24.5 Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác, hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.
- 24.6 Hội đồng quản trị ban hành quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
 - Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
 - Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
 - Tổ chức thực hiện.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

- 25.1 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung, sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
- 25.2 Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
- 25.3 Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

- 26.1 Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 26.2 Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

- 26.2.1 Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
- 26.2.2 Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát;
- 26.3 Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Đào tạo về quản trị Công ty

- 27.1 Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo có Chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị Công ty tổ chức.
- 27.2 Kinh phí đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo của Công ty.

CHƯƠNG IX: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 28. Công bố thông tin thường xuyên

- 28.1 Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng.
- 28.2 Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 28.3 Ngoài các thông tin quy định Khoản 28.1 Điều này, Công ty còn có nghĩa vụ công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
- 28.4 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

- 29.1 Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những

thông tin sau:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
 - Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
 - Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành;
 - Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng Quản trị;
 - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
 - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nêu trên;
 - Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
 - Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
- 29.2 Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

Điều 30. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

- 30.1 Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
- Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân).
 - Địa chỉ liên lạc;
 - Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
 - Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
 - Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
 - Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.
- 30.2 Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

Điều 31. Tổ chức công bố thông tin

- 31.1 Công ty xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

- 31.2** Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
- 31.3** Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
- 31.4 Tiêu chuẩn, điều kiện đối với cán bộ chuyên trách công bố thông tin:**
- 31.4.1 Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- 31.4.2 Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định tại Quy chế này;
- 31.4.3 Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 31.4.4 Công khai tên, số điện thoại làm việc của mình để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT

Điều 32. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật và công bố thông tin về tình hình thực hiện quản trị Công ty trong năm.

Điều 33. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 34.1** Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chủ trì sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi quy định pháp luật về quản trị áp dụng đối với Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 34.2** Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế đều phải được Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 35. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực thi hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần

Chứng khoán Dầu khí thông qua vào ngày 28/01/2010. ✓

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Bùi NGỌC THĂNG.

Trần Minh Hoàng.

Đỗ Tuấn Bình

Vũ Thanh Lê

Trần An Hưng

